

Số: 128 /CDCT-TCKT

V/v phối hợp công tác tuyển sinh
đào tạo trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ đợt 1 năm 2025

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và công đoàn cơ sở
trực thuộc Công đoàn Công Thương Việt Nam

Căn cứ Công văn số 48/TB-ĐHCD ngày 19/3/2025 của Trường Đại học Công đoàn về việc thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025 và Công văn số 54/TB-ĐHCD ngày 21/3/2025 của Trường Đại học Công đoàn về việc thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2025, cụ thể như sau:

1. Về cấp bậc và ngành đào tạo:

- Trình độ Thạc sĩ: Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Xã hội học, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

- Trình độ Tiến sĩ: Quản trị nhân lực

2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

3. Thời gian nhận hồ sơ:

- Trình độ Thạc sĩ: Đến ngày 20/6/2025

- Trình độ Tiến sĩ: Đến ngày 14/6/2025

Công đoàn Công Thương Việt Nam triển khai đến các đơn vị trực thuộc để nghiên cứu, xem xét đăng ký cho cán bộ, đoàn viên, người lao động tại đơn vị mình tham gia nhằm nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn.

Chi tiết liên hệ: Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội. Số điện thoại 02435.334.231/086.717.8888 (Đàm Thuận Nghĩa).

(Có Thông báo tuyển sinh số 48/TB-ĐHCD và 54/TB-ĐHCD của Trường Đại học Công đoàn gửi kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trường Đại học Công đoàn;
- Lãnh đạo, các ban CDCTVN;
- Lưu: VT, TCKT

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Lê An Hải

Số: 48 /TB-ĐHCD

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2025

CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VN

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 425

Ngày 09 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-ĐHCD ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Kế hoạch số 35/KH-ĐHCD ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Trường Đại học Công đoàn về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Trường Đại học Công đoàn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025, cụ thể như sau:

I. CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1.1. Chỉ tiêu: 200, được phân bổ cho các ngành đào tạo như sau:

TT	Ngành đào tạo	Mã số	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Quản trị nhân lực	8340404	55
2	Quản trị kinh doanh	8340101	40
3	Kế toán	8340301	35
4	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	8340417	35
5	Xã hội học	8310301	35

1.2. Phương thức: Xét tuyển

* Nguyên tắc xét tuyển:

- Hồ sơ hợp lệ và nộp đúng hạn theo quy định của Trường;
- Tổng điểm đánh giá hồ sơ $\geq 5,0$ điểm (theo thang điểm 10);
- Lấy từ cao xuống thấp trong hồ sơ hợp lệ và đạt điểm xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu;

- Trường hợp các thí sinh có cùng tổng điểm đánh giá hồ sơ thì xác định người thứ tự theo thứ tự ưu tiên sau:

- + Thí sinh có điểm đánh giá hồ sơ kết quả học tập ở bậc đại học cao hơn;
- + Thí sinh có điểm năng lực ngoại ngữ cao hơn;
- + Thí sinh có điểm kinh nghiệm công tác cao hơn.

* **Tiêu chí xét tuyển:** (Phụ lục III)

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

- Thời gian: 02 năm
- Địa điểm: Trường Đại học Công đoàn
- Hình thức đào tạo: Chính quy

III. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Yêu cầu đối với người dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển, đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường; đối với văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định hiện hành;

- Năng lực ngoại ngữ:

Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Phụ lục II) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển;

Nhà trường tổ chức ôn tập và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cho thí sinh có nhu cầu.

- Lý lịch rõ ràng, không trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc không trong thời gian thi hành án hình sự, có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền;

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

4.1. Đối tượng

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.2. Mức ưu tiên

Người dự tuyển thuộc một hoặc nhiều đối tượng ưu tiên được cộng tối đa 01 điểm (*thang điểm 10*) vào điểm xét tuyển hồ sơ.

V. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

- Phiếu đăng ký dự tuyển (*theo mẫu*);

- Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu*);

- Giấy giới thiệu của cơ quan (*nếu có*);

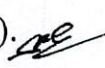
- Bản sao công chứng bằng, bảng điểm đại học;

- Bản sao công chứng bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (*nếu có*);

- Các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (*nếu có*);

- Phong bì có ghi rõ địa chỉ liên hệ của người dự tuyển;

- 02 ảnh (3×4) chụp không quá 6 tháng (*ghi rõ họ tên ngày/tháng/năm sinh ở mặt sau*);

- 01 bản CCCD (photo). 

VI. HỌC PHÍ

Học phí năm học 2025- 2026: (dự kiến) 750.000 đồng/tín chỉ. Lộ trình tăng học phí theo quy định của Nhà nước và Trường Đại học Công đoàn.

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 60 tín chỉ.

Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/thí sinh.

Học phí bổ sung kiến thức: 600.000 đồng/tín chỉ

VII. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH

- Thời gian đăng ký và tiếp nhận hồ sơ: Đến 17h00 ngày 20/06/2025 (có thể thay đổi theo điều kiện thực tế);

- Địa điểm: Phòng Quản lý đào tạo, P.401 tầng 4 nhà A.

- Thời gian học bổ sung kiến thức (dự kiến): Tháng 5/2025;

- Thời gian học và đánh giá năng lực ngoại ngữ (dự kiến): Tháng 5-6/2025;

- Thời gian xét tuyển (dự kiến): Tháng 6/2025;

- Thời gian công bố kết quả (dự kiến): Tháng 6/2025;

- Thời gian khai giảng (dự kiến): Tháng 6/2025.

Ghi chú: Thông tin chính thức sẽ được đăng tải trên website của Trường <http://dhcd.edu.vn>. Để biết thêm thông tin chi tiết, xin liên hệ: **Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Công đoàn, số 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.**

Phòng P.401 - nhà A. ĐT: 0243.533.4231

Đàm Thuận Nghĩa – Phòng Quản lý đào tạo. ĐT: 086.717.8888

Nơi nhận: *Thư*

- Bộ GD&ĐT;
- Tổng LĐLĐVN;
- LĐLĐ các tỉnh, thành phố;
- Công đoàn ngành TW;
- Công đoàn TCT trực thuộc TLĐ;
- HĐT (để báo cáo);
- BGH (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.

(để b/c)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Đức Linh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ THI
(Ban hành kèm theo Thông báo số 48 /TB-ĐHCĐ ngày 19/3/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn)

NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

Các ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Quản trị nhân lực		Quy định về học bổ sung kiến thức
Ngành đúng	- Ngành tốt nghiệp đại học là ngành Quản trị nhân lực (7340404) hoặc các ngành khác có chương trình đào tạo khác chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Công đoàn dưới 10% tổng số tín chỉ hoặc đơn vị học trình của khối kiến thức ngành.	Người dự tuyển không phải học bổ sung kiến thức khi dự tuyển
Ngành phù hợp	Nhóm 1: Các ngành đào tạo đại học là một trong các ngành sau: - Khoa học quản lý (7340401) - Hệ thống thông tin quản lý (7340405) - Quản lý công (7340403) - Quan hệ lao động (7340408) - Quản lý dự án (7340409) - Kinh tế (kinh tế lao động cũ) (7310101) - Quản trị kinh doanh (7340101) - Kinh doanh quốc tế (7340120) - Kinh doanh thương mại (7340121) - Tài chính - Ngân hàng (7340201) - Bảo hiểm (7340204) - Kế toán (7340301) - Kiểm toán (7340302) - Marketing (7340115) - Quản trị khách sạn (7810201) - Quản trị dịch vụ và du lịch lữ hành (7810103)	Người dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường, gồm 2 HP (04 tín chỉ): - Quản trị học: 2 tín chỉ - Quản trị NL: 2 tín chỉ
	Nhóm 2: Các ngành đào tạo đại học là một trong các ngành sau: + Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (714) + Nghệ thuật (721) + Nhân văn (722) + Khoa học xã hội và hành vi (731) + Báo chí và thông tin (732) + Pháp luật (738); + Máy tính và công nghệ thông tin (748); + Kỹ thuật (752) + Kiến trúc và xây dựng (758) + Môi trường và bảo vệ môi trường (785) Nhóm 3: Các ngành không thuộc danh mục kể trên nhưng chương trình đào tạo đại học có các học phần sau: (1) Toán cao cấp/Toán cao cấp cho các nhà kinh tế/Toán đại cương/Toán ứng dụng/Lý thuyết xác suất thống kê/Lý thuyết xác suất và thống kê toán (2) Tin học/Tin học căn bản/Tin học quản lý/Tin học ứng dụng/Ứng dụng CNTT/Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. (3) Kinh tế học/Kinh tế vĩ mô/Kinh tế học vĩ mô/Kinh tế vi mô/Kinh tế học vi mô/Kinh tế ứng dụng/Kinh tế quản lý.	Người dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường, gồm 4 HP (10 tín chỉ): - Quản trị học: 2 tín chỉ - Quản trị NL: 3 tín chỉ - Thị trường LĐ: 2 tín chỉ - Hành vi tổ chức: 3 tín chỉ

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Các ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh		Quy định về học bổ sung kiến thức
Ngành đúng	Ngành Quản trị kinh doanh (7340101)	Người dự tuyển không phải học bổ sung kiến thức khi dự tuyển
Ngành phù hợp	Nhóm 1: Các ngành đào tạo đại học cùng nhóm ngành Kinh doanh và quản lý, cụ thể: - Marketing (7340115) - Bất động sản (7340116) - Kinh doanh quốc tế (7340120) - Kinh doanh thương mại (7340121) - Thương mại điện tử (7340122) - Kinh doanh thời trang và dệt may (7340123) - Tài chính - Ngân hàng (7340201) - Bảo hiểm (7340204) - Kế toán (7340301) - Kiểm toán (7340302) - Khoa học quản lý (7340401) - Quản lý công (7340403) - Quản trị nhân lực (7340404) - Hệ thống thông tin quản lý (7340405) - Quản trị văn phòng (7340406) - Quan hệ lao động (7340408) - Quản lý dự án (7340409)	Người dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường, gồm 2 HP (04 tín chỉ): - Quản trị học: 2 tín chỉ - Quản trị chiến lược: 2 tín chỉ
	Nhóm 2: Các ngành đào tạo đại học thuộc một trong các ngành sau: + Kinh tế (7310101) + Kinh tế chính trị (7310102) + Kinh tế đầu tư (7310104) + Kinh tế phát triển (7310105) + Kinh tế quốc tế (7310106) + Thống kê kinh tế (7310107) + Toán kinh tế (7310108) + Quản lý công nghiệp (7510601) + Kinh tế công nghiệp (7510604) + Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (7510605) + Du lịch (7810101) + Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (7810103) Nhóm 3: Các ngành không thuộc danh mục kể trên nhưng chương trình đào tạo đại học có các học phần sau: (1) Toán cao cấp/Toán cao cấp cho các nhà kinh tế/Toán đại cương/Toán ứng dụng/Lý thuyết xác suất thống kê/Lý thuyết xác suất và thống kê toán (2) Tin học/Tin học căn bản/Tin học quản lý/Tin học ứng dụng/Ứng dụng CNTT/Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. (3) Kinh tế học/Kinh tế vĩ mô/Kinh tế học vĩ mô/Kinh tế vi mô/Kinh tế học vi mô/Kinh tế ứng dụng/Kinh tế quản lý.	Người dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường, gồm 4 học phần (10 tín chỉ): - Quản trị học: 2 tín chỉ - Quản trị chiến lược: 2 tín chỉ - Marketing căn bản: 3 tín chỉ - Quản trị tác nghiệp: 3 tín chỉ

NGÀNH KẾ TOÁN

Các ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Kế toán		Quy định về học bổ sung kiến thức
Ngành đúng	Ngành Kế toán (7340301)	Người dự tuyển không phải học bổ sung kiến thức khi dự tuyển
Ngành phù hợp	Nhóm 1: Các ngành đào tạo đại học cùng lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, cụ thể: - Quản trị kinh doanh (7340101) - Marketing (7340115) - Bất động sản (7340116) - Kinh doanh quốc tế (7340120) - Kinh doanh thương mại (7340121) - Thương mại điện tử (7340122) - Kinh doanh thời trang và dệt may (7340123) - Tài chính - Ngân hàng (7340201) - Bảo hiểm (7340204) - Kiểm toán (7340302) - Khoa học quản lý (7340401) - Quản lý công (7340403) - Quản trị nhân lực (7340404) - Hệ thống thông tin quản lý (7340405) - Quản trị văn phòng (7340406) - Quan hệ lao động (7340408) - Quản lý dự án (7340409)	Người dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường, gồm 2 HP (04 tín chỉ): - Nguyên lý kế toán: 2 tín chỉ - Kế toán tài chính: 2 tín chỉ
	Nhóm 2: Các ngành đào tạo đại học thuộc một trong các ngành sau: + Kinh tế công nghiệp (7510604) + Logistic và quản lý chuỗi cung ứng (7510605) + Kinh tế xây dựng (7580301) + Kinh doanh nông nghiệp (7620114) + Kinh tế nông nghiệp (7620115) + Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (7810103) + Quản trị khách sạn (7810201) + Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống (7810202) + Kinh tế vận tải (7840104) + Kinh tế tài nguyên thiên nhiên (7850102) Nhóm 3: Các ngành không thuộc danh mục kể trên nhưng chương trình đào tạo đại học có các học phần sau: (1) Toán cao cấp/Toán cao cấp cho các nhà kinh tế/Toán đại cương/Toán ứng dụng/Lý thuyết xác suất thống kê/Lý thuyết xác suất và thống kê toán. (2) Tin học/Tin học căn bản/Tin học quản lý/Tin học ứng dụng/Ứng dụng CNTT/Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. (3) Kinh tế học/Kinh tế vĩ mô/Kinh tế học vĩ mô/Kinh tế vi mô/Kinh tế học vi mô/Kinh tế ứng dụng/Kinh tế quản lý.	Người dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường, gồm 5 HP (10 tín chỉ): - Nguyên lý kế toán: 2 tín chỉ - Kế toán tài chính: 2 tín chỉ - Kế toán quản trị: 2 tín chỉ - Kế toán công: 2 tín chỉ - Lý thuyết kiểm toán: 2 tín chỉ

NGÀNH QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Các ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Quản lý an toàn và Sức khỏe nghề nghiệp		Quy định về học bổ sung kiến thức
Ngành đúng	Ngành Bảo hộ lao động (7850201) của Trường Đại học Công đoàn và Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Người dự tuyển không phải học bổ sung kiến thức khi dự tuyển
Ngành phù hợp	Nhóm 1: Các ngành đào tạo đại học cùng lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật, cụ thể: - Khoa học tự nhiên: + Khoa học vật chất (74401) + Khoa học trái đất (74402) + Khoa học môi trường (74403) - Công nghệ kỹ thuật: + Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng (75101) + Công nghệ kỹ thuật cơ khí (75102) + Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông (75103) + Công nghệ hoá học, vật liệu, luyện kim và mt (75104) + Quản lý công nghiệp (75106) + Công nghệ dầu khí và khai thác (75107) + Công nghệ kỹ thuật in (75108) - Kỹ thuật: + Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật (75201) + Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông (75202) + Kỹ thuật hoá học, vật liệu, luyện kim và môi trường (75203) + Vật lý kỹ thuật (75204) + Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa (75205) + Kỹ thuật mỏ (75206) - Sản xuất và chế biến: + Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống (75401) + Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da (75402) - Kiến trúc và xây dựng: + Kiến trúc và quy hoạch (75801) + Xây dựng (75802) + Quản lý xây dựng (75803) - Nông lâm nghiệp và thủy sản: + Nông nghiệp (76201) + Lâm nghiệp (76202) + Thủy sản (76203) - Sức khỏe: + Y học (77201) + Dược học (77202) + Dinh dưỡng (77204) + Kỹ thuật Y học (77206) + Y tế công cộng (77207) + Quản lý Y tế (77208)	Người dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường, gồm 2 HP (04 tín chỉ): - Tổng quan về An toàn, vệ sinh lao động: 2 tín chỉ - Quản trị học: 2 tín chỉ

	Dịch vụ vận tải: + Khai thác vận tải (78401) Môi trường và bảo vệ môi trường: + Quản lý tài nguyên và môi trường (78501) + Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp (78502)	
	Nhóm 2: Các ngành đào tạo đại học thuộc một trong các nhóm ngành sau: - Khoa học xã hội và hành vi: + Kinh tế học (73101) + Khoa học chính trị (73102) + Tâm lý học (73104) + Xã hội học và Nhân học (73103) - Kinh doanh và quản lý: + Kinh doanh (73401) + Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (73402) + Quản trị - Quản lý (73404); - Pháp luật: + Luật (73801) - Khoa học sự sống: + Sinh học (74201) + Sinh học ứng dụng (74202) - An ninh, quốc phòng: + An ninh và trật tự xã hội (78601) Nhóm 3: Các ngành không thuộc danh mục kể trên nhưng có một trong số các điều kiện dưới đây: 1. Chương trình đào tạo đại học có các học phần sau: + An toàn lao động/Bảo hộ lao động/an toàn, vệ sinh lao động. + Môi trường và phát triển/Bảo vệ môi trường/Sản xuất sạch hơn. + Tâm lý học/Tâm lý học LĐ/Xã hội học công nghiệp. 2. Thí sinh dự tuyển thạc sĩ có kinh nghiệm trong lĩnh vực ATVSLĐ từ 3 năm trở lên và có chứng chỉ về an toàn lao động.	Người dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường, gồm 05 HP (10 tín chỉ): - Tổng quan về An toàn, vệ sinh lao động: 2 tín chỉ - Quản trị học: 2 tín chỉ - Môi trường và Phát triển: 2 tín chỉ - Kỹ thuật đo lường: 2 tín chỉ - Vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp: 2 tín chỉ

NGÀNH XÃ HỘI HỌC

Các ngành đúng, ngành phù hợp ngành Xã hội học		Quy định về học bổ sung kiến thức
Ngành đúng	Ngành Xã hội học (7310301)	Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức dự tuyển.
Ngành phù hợp	Nhóm 1: Các ngành đào tạo đại học cùng nhóm ngành Khoa học chính trị; Xã hội học và Nhân học, cụ thể: - Chính trị học (7310201) - Quản lý nhà nước (7310205) - Quan hệ quốc tế (7310206) - Nhân học (7310302) - Tâm lý học (7310401) - Tâm lý học giáo dục (7310403) - Việt Nam học (7310630)	Người dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường, gồm 2 HP (04 tín chỉ): - Xã hội học đại cương: 2 tín chỉ - Phương pháp nghiên cứu Xã hội học định tính: 2 tín chỉ
	Nhóm 2: Các ngành đào tạo đại học thuộc một trong các ngành ngành sau: + Truyền thông đại chúng (7320105) + Báo chí học (7320101) + Triết học (7229001) + Tôn giáo học (7229009) + Văn hóa học (7229040) + Sử học (7229010) + Công tác xã hội (7760101) + Du lịch (7810101) + Luật học (7380101) Nhóm 3: Các ngành không thuộc danh mục kể trên nhưng chương trình đào tạo đại học có các học phần: (1) Tâm lý học đại cương/Dân tộc học/Nhập môn Công tác xã hội/Chính sách xã hội/An sinh xã hội/Đạo đức học/ Thống kê xã hội ... (2) Tin học/Tin học căn bản/ Tin học ứng dụng/ dụng CNTT/Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản/Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong thu thập, xử lý thông tin. (3) Xã hội học/Xã hội học Văn hóa/Xã hội học nông thôn/Xã hội học pháp luật/Xã hội học kinh tế/Xã hội học gia đình	Người dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường, gồm 4 học phần (10 tín chỉ): - Xã hội học đại cương: 2 tín chỉ - Lịch sử và lý thuyết Xã hội học kinh điển: 3 tín chỉ - Phương pháp nghiên cứu Xã hội học định tính: 2 tín chỉ - Phương pháp nghiên cứu Xã hội học định lượng: 3 tín chỉ

Ghi chú: Đối với các học phần bổ sung kiến thức: Học phần người dự tuyển đã học ở bậc đại học với số tín chỉ tương đương sẽ không phải bổ sung kiến thức học phần đó. *ace*

PHỤ LỤC II

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG
CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 48 /TB-ĐHCD ngày 19 /3/ 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn)*

STT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm tương đương bậc 3
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45
		TOEFL ITP	450-499
		IELTS	4.0 – 5.0
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149
		Aptis ESOL International Certificate	Bậc 3
		Pearson PTE Academic	Bậc 3
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe – Institut	Goethe-Zertifikat B1
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ -1

PHỤ LỤC III

TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Ban hành kèm theo Thông báo số 48 /TB-ĐHCD ngày 19/3/ 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn)

TT	Nội dung và tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Kết quả học tập ở bậc đại học	
	- Xếp loại tốt nghiệp Xuất sắc (từ 9,0 đến 10); (3,6 đến 4,0)	4,0
	- Xếp loại tốt nghiệp Giỏi (từ 8,0 đến cận 9,0); (3,2 đến cận 3,6)	3,5
	- Xếp loại tốt nghiệp Khá (từ 7,0 đến 8,0); (2,5 đến cận 3,2)	3,0
	- Xếp loại tốt nghiệp Trung bình (từ 5,0 đến cận 7,0); (2,0 đến cận 2,5)	2,5
	Lưu ý: Bằng đại học hoặc tương đương do cơ sở nước ngoài cấp mà không có xếp loại	2,5
2	Ngành đào tạo ở bậc đại học	
	- Đúng ngành dự tuyển	3,0
	- Ngành phù hợp với ngành dự tuyển	
	Điểm trung bình chung các học phần học bổ sung kiến thức theo thang điểm 10	
	+ Từ 9,0 đến 10,0	2,5
	+ Từ 8,0 đến cận 9,0	2,0
	+ Từ 7,0 đến cận 8,0	1,5
	+ Từ 4,0 đến cận 7,0	1,5
3	Năng lực ngoại ngữ	
	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài	2,0
	Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	1,5
4	Thâm niên công tác	
	- Thời gian công tác từ 5 năm trở lên	1,0
	- Thời gian công tác từ 1 đến 5 năm	0,5
	- Thời gian công tác dưới 1 năm	0

Số: 54 /TB-ĐHCD

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản trị nhân lực đợt 1 năm 2025

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-ĐHCD ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Kế hoạch số 34/KH-ĐHCD ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn ban hành Kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025;

Trường Đại học Công đoàn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản trị nhân lực năm 2025 như sau:

I. CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

- Chỉ tiêu: 10
- Phương thức: Xét tuyển

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

- Thời gian: 3 năm (36 tháng) đến 4 năm (48 tháng) (do người dự tuyển đăng ký) kể từ khi có quyết định công nhận là nghiên cứu sinh của Trường.
- Địa điểm: Trường Đại học Công đoàn - 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.
- Hình thức đào tạo: Chính quy.
- Ngôn ngữ đào tạo: tiếng Việt.

III. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển

- Tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp (Phụ lục I);
- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;
- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Năng lực ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố trong thời hạn 24 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài: có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và trình độ tiếng Anh bậc A2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

IV. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

Hồ sơ dự tuyển 01 bộ như sau:

1. Đơn đăng ký dự tuyển (theo mẫu);
2. Giấy giới thiệu tham gia dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp (theo mẫu), (nếu có);
3. Lý lịch khoa học của người dự tuyển (theo mẫu);
4. Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu bao gồm các nội dung đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển (theo mẫu);
5. Bản sao công chứng văn bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học, thạc sĩ. Văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có xác nhận của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
6. Bản sao văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ;
7. Định hướng, đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (theo mẫu);
8. Bản sao bài báo, các công trình khoa học đã công bố.
9. Bản photo Căn cước công dân (01 bản).

V. HỌC PHÍ, LỆ PHÍ

Học phí năm học 2025 - 2026: (dự kiến) 3.500.000đ/tháng (10 tháng/năm). Lộ trình tăng học phí theo quy định của Nhà nước và Trường Đại học Công đoàn.

- Tổng số tín chỉ toàn khóa:

+ 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản trị nhân lực.

+ 110 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ khác ngành Quản trị nhân lực.

+ 135 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh chưa qua đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/thí sinh.

- Học phí bổ sung kiến thức: (dự kiến) 750.000 đồng/tín chỉ.

VI. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH

- Thời gian đăng ký và nộp hồ sơ dự tuyển đợt 1 đến 17 giờ 00 ngày 14/06/2025 tại phòng Quản lý đào tạo (có thể thay đổi theo điều kiện thực tế);

- Thời gian xét tuyển (dự kiến): Từ ngày 15/06/2025 đến ngày 24/06/2025;

- Thời gian công bố kết quả (dự kiến): Từ ngày 25/06 đến ngày 27/06/2025;

- Thời gian khai giảng (dự kiến): Tháng 07/2025.

*Ghi chú: Lịch xét tuyển chính thức sẽ được đăng tải trên website của Trường <http://dhcd.edu.vn>. Để biết thêm thông tin chi tiết, xin liên hệ: **Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Công đoàn, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.***

Phòng P401 - nhà A. ĐT: 0243.533.4231

Phạm Nguyễn Bình An – Phòng Quản lý đào tạo. ĐT: 0358.405.789

Nơi nhận: *Thư*

- Bộ GD&ĐT;
- Tổng LĐLĐVN;
- LĐLĐ các tỉnh, thành phố;
- Công đoàn ngành TW;
- Công đoàn TCT trực thuộc TLĐ;
- HĐT (để báo cáo);
- BGH (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.

(để b/c)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Đức Linh

PHỤ LỤC I

**DANH MỤC CÁC NGÀNH PHÙ HỢP ĐƯỢC DỰ TUYỂN
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 54 /TB-ĐHCD ngày 24/03/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn)*

Mã số	Tên tiếng Việt
I	Danh mục ngành phù hợp đối với người dự tuyển có bằng thạc sĩ
8340101	Quản trị kinh doanh
8340121	Kinh doanh thương mại
8340201	Tài chính - Ngân hàng
8340204	Bảo hiểm
8340301	Kế toán
8340401	Khoa học quản lý
8340402	Chính sách công
8340403	Quản lý công
8340404	Quản trị nhân lực
8340405	Hệ thống thông tin quản lý
8340406	Quản trị văn phòng
8340412	Quản lý khoa học và công nghệ
8340417	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
8310101	Kinh tế học
8310102	Kinh tế chính trị
8310104	Kinh tế đầu tư
8310105	Kinh tế phát triển
8310106	Kinh tế quốc tế
8310107	Thống kê kinh tế
8310108	Toán kinh tế
8310110	Quản lý kinh tế
II	Danh mục ngành phù hợp đối với người dự tuyển tốt nghiệp đại học hạng giỏi
734	Kinh doanh và quản lý
73101	Kinh tế học

Ghi chú:

Tên ngành, chuyên ngành ghi trên văn bằng, bằng điểm tốt nghiệp của người dự tuyển có thể không trùng khớp với các ngành, chuyên ngành trong danh mục trên. Mức độ phù hợp của văn bằng sẽ do Hội đồng tuyển sinh và các tiểu ban chuyên môn xác định trong kỳ xét tuyển. *re*

PHỤ LỤC II

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Thông báo số 51) /TB-ĐHCD ngày 21/03/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn)

STT	Ngôn ngữ	Bằng/ Chứng chỉ/ Chứng nhận	Trình độ/ Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL International Certificate	Bậc 4
		Pearson PTE Academic	Bậc 4
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Handwritten signature

PHỤ LỤC III

TIÊU CHUẨN NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

(Trích Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương trình sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi là tác giả chính);

Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại cơ sở đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.